TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2024/HS-ST
Ngày: 12-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Long Giang;

Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Phan Thanh N, sinh năm 2000, tại Đắk Lắk; nơi thường trú: tổ dân phố F, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; nơi tạm trú: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Quản lý kho; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thanh H và bà Nguyễn Thị H1; tiền án, tiền sự: không; ngày bị tạm giam 01 tháng 7 năm 2024, có mặt.

2. Nguyễn Thanh Anh V, sinh năm 2001, tại Bình Dương; nơi thường trú: khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc N1; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại:* Công ty TNHH Đ1; địa chỉ: Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 24, Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Công ty TNHH Đ1: Ông Vòng Phi H2, sinh năm 1988; nơi thường trú: Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nơi

tạm trú: Công ty TNHH Đ1, Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 5 năm 2024), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Công ty TNHH K; địa chỉ: khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty TNHH K: Bà Nguyễn Thị Diễm H3, sinh năm 1995; nơi thường trú: Ấp D, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi tạm trú: phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 8 năm 2024), vắng mặt.

2. Công ty TNHH T2; địa chỉ: số G, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty TNHH T3 Nguyễn: Ông Nguyễn Huỳnh N2, sinh năm 1991; nơi thường trú: Tổ E, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch công ty K1 Giám đốc), vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1975; nơi thường trú: Tổ D, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Ông Phan Thanh H, sinh năm 1967; nơi thường trú: tổ dân phố F, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

5. Anh Lê Hoài H4, sinh năm 1987; nơi thường trú: ấp P, P, huyện P, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

6. Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1970; nơi thường trú: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thanh N ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ1 (sau đây viết tắt là Công ty Đ1) địa chỉ tại ấp C, xã T, huyện B, Bình Dương. N làm nhiệm vụ quản lý kho nguyên liệu từ ngày 01 tháng 3 năm 2022, có nhiệm vụ trông giữ, bảo quản hàng hóa trong kho, nhận hàng, ký nhận vào hóa đơn từ nhà cung ứng nguyên liệu và xuất hàng cho công nhân sản xuất tại xưởng số 6 thuộc Công ty Đ1. Nguyễn Thanh Anh V là tài xế lái xe thuê cho Công ty TNHH T2 (sau đây viết tắt là Công ty T2) từ tháng 6 năm 2023. V hay giao hàng cho Công ty Đ1 nên V và N quen biết nhau.

Vào ngày 06 tháng 5 năm 2024, V gặp và hỏi N để thỏa thuận lấy bớt hàng Công ty Đ1 vì V biết N là quản lý kho của Công ty Đ1, N đồng ý. N và V

thỏa thuận khi V giao hàng cho Công ty Đ1 thì V sẽ không giao đủ số lượng hàng được ghi trong hoá đơn nhưng N vẫn ký đã nhận đủ hàng. Số hàng chiếm đoạt được, V nói với N sẽ mang đi bán lấy tiền và chia theo tỉ lệ là mỗi người 50%. Chiều ngày 10 tháng 5 năm 2024, Công ty T2 yêu cầu V bốc hàng và nhận hoá đơn tại Công ty TNHH K lên xe ôtô tải 61C-44.023. Sau khi bốc 51 cuộn gòn lên xe (gồm 48 cuộn gòn nhỏ, 03 cuộn gòn lớn), V liên lạc với N qua ứng dụng Z nói cho N biết vào ngày 11 tháng 5 năm 2024, V sẽ giao 48 cuộn gòn nhỏ tại công ty Đ1. N và V thống nhất ngày 11 tháng 5 năm 2024, khi giao 48 cuộn gòn thì V chỉ giao 28 cuộn gòn, N và V lấy 20 cuộn gòn đi bán, lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Sáng ngày 11 tháng 5 năm 2024, V điều khiển xe ôtô tải 61C-44.023 chở hàng và có Lê Hoài H4 là lơ xe đi cùng từ Công ty T2 chở theo 51 cuộn gòn có trọng lượng là 516.4 kg. Trên đường đi giao hàng cho Công ty Đ1, V liên lạc với ông Nguyễn Minh T1 qua ứng dụng Zalo. V nói có hàng thanh lý Công ty (mặt hàng là gòn) bán cho T1, thì T1 đồng ý mua với giá 19.000 đồng/kg gòn. Sau khi trao đổi mua bán V điều khiển xe ô tô tải đến quán nước không tên thuộc ấp C, xã T cách cổng Công ty Đ1 khoảng 200m do ông Vũ Văn Đ làm chủ. V đến gặp ông Đ mua nước uống và nhờ gửi các cuộn gòn tại quán của ông Đ, ông Đ đồng ý. V và H4 chuyển 24 cuộn gòn gửi tại quán nước của ông Đ. Mặc dù, thỏa thuận với N lấy đi 20 cuộn gòn nhưng V lấy đi 24 cuộn gòn để chiếm lợi ích nhiều hơn về V. Đến khoảng 08 giờ 10 phút cùng ngày, V điều khiển xe ô tô biển số 61C-44.023 cùng Lê Hoài H4 chở 27 cuộn gòn đến Công ty Đ1. V và H4 chuyển 27 cuộn gòn có trọng lượng 280.5kg từ trên xe ô tô 61C-44.023 vào kho hàng và giao số hàng trên cho N. Quá trình giao hàng, N không kiểm tra hàng nhưng vẫn ký tên vào hoá đơn đã nhận 51 cuộn gòn. Sau đó, V đưa N số tiền là 1.600.000 đồng.

Sau khi giao hàng cho Công ty Đ1, V điều khiển xe ô tô tải 61C-44.023 cùng H4 lấy 24 cuộn gòn gửi tại quán nước mang đi bán cho ông Nguyễn Minh T1 24 cuộn gòn (tính tròn là 240kg) với số tiền là 4.560.000 đồng.

Đến khoảng 09 giờ 40 phút cùng ngày, ông Vòng Phi H2 là Trợ lý giám đốc Công ty Đ1 đi ngang qua quán nước của ông Đ phát hiện V và H4 đang bốc số gòn đã gửi trước đó lên xe ô tô biển số 61C-44.023 nên ông H2 nghi ngờ và kiểm tra số gòn trong kho thì phát hiện chỉ có 27 cuộn, đồng thời đối chiếu với hóa đơn N đã ký nhận 51 cuộn thì xác định số gòn bị chiếm đoạt là 24 cuộn. Cùng ngày, Công ty Q toàn bộ vụ việc trên đến Công an xã T. Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an xã T tiến hành mời N và V làm việc thì N và V đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình.

Qua làm việc:

Phan Thanh N khai nhận: do N làm quản lý kho của Công ty Đ1 nên N lợi dụng việc nhận hàng và ký nhận vào hóa đơn từ nhà cung ứng nguyên liệu và xuất hàng cho công nhân sản xuất tại xưởng số 6 thuộc Công ty Đ1 để thỏa thuận cùng với V chiếm đoạt hàng của Công ty với mục đích lấy bán để có tiền

tiêu xài. N và V chỉ thỏa thuận lấy 20 cuộn gòn của Công ty, còn việc V lấy tổng cộng 24 cuộn gòn thì N không biết, N thu lợi bất chính số tiền là 1.600.000 đồng. Do đó, hành vi của N đủ yếu tố cấu thành tội Tham ô tài sản.

Nguyễn Thanh Anh V khai nhận: do biết N làm quản lý kho của Công ty Đ1 nên V mới rủ N chiếm đoạt tài sản của Công ty Đ1 khi giao hàng cho N. Khi đi giao hàng cùng với V thì có Lê Hoài H4 làm lơ xe, H4 chỉ mới đi chung với V lần đầu và H4 chỉ làm theo yêu cầu của V không biết việc V và N thỏa thuận chiếm đoạt hàng của Công ty Đ1. Ngoài ra, V và N thỏa thuận chỉ lấy 20 cuộn gòn nhưng vì muốn thêm lợi ích riêng nên V lấy tổng cộng 24 cuộn gòn của Công ty Đ1 thì N không biết, V thu lợi bất chính số tiền là 2.960.000 đồng và đã tự nguyện giao nộp lại. Do đó, hành vi của V đồng phạm với N về tội Tham ô tài sản.

Vật chứng thu giữ: 01 Ổ USB KIOXIA 16GB chứa đoạn video ghi hình hành vi các bị cáo thực hiện do Công ty Đ1 giao nộp; 09 phiếu giao hàng của công ty TNHH K; 24 cuộn gòn có trọng lượng 235.9kg của ông Nguyễn Minh T1; 01 xe ô tô tải biển số 61C-44.023 và 01 (một) điện thoại di động Iphone XS, màu vàng, số Imel: 356173098228320 (đã qua sử dụng) của Nguyễn Thanh Anh V; 01 (một) điện thoại di động Redmi Note 9, màu xanh, số Imel1: 865289059064728, số Imel2: 8652840599064736 (đã qua sử dụng) của Phan Thanh N.

Tại kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS ngày 22 tháng 5 năm 2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện B kết luận: 24 cây (cuộn) gòn có trọng lượng 235,9kg (chưa qua sử dụng) trị giá 7.430.850 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản.

Về xử lý vật chứng: 24 cuộn gòn có trọng lượng 235.9kg là tài sản hợp pháp của Công ty Đ1. Ngày 24 tháng 6 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B Quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản trên cho Công ty Đ1.

01 xe ô tải biển số 61C-44.023 là tài sản của Công ty T2 do ông Nguyễn Huỳnh N2 là người đại diện theo pháp luật. Ông N2 khai nhận đưa xe cho V để chở hàng và không biết việc V chiếm đoạt tài sản của Công ty Đ1. Ngày 24 tháng 6 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B Quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản trên cho Công ty T2.

Đối với 09 phiếu giao hàng là tài sản của Công ty TNHH K. Ngày 24 tháng 8 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B Quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản trên cho Công ty TNHH K.

01 USB KIOXIA 16GB chứa đoạn video ghi hình hành vi phạm tội của các bị cáo tại Công ty Đ1 là tài liệu quan trọng nên đưa vào hồ sơ làm tài liệu chứng cứ cho vụ án.

01 (một) điện thoại di động Iphone XS, màu vàng, số Imel: 356173098228320 (đã qua sử dụng) của Nguyễn Thanh Anh V, là phương tiện V dùng vào việc phạm tội.

01 (một) điện thoại di động Redmi Note 9, màu xanh, số Imel1: 865289059064728, số Imel2: 8652840599064736 (đã qua sử dụng) của Phan Thanh N, là phương tiện N dùng vào việc phạm tội.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc xử lý vật chứng.

Số tiền 2.960.000 đồng là tiền thu lợi bất chính, Nguyễn Thanh Anh V tự nguyện giao nộp theo giấy nộp tiền ngày 11 tháng 10 năm 2024 cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông Phan Thanh H là cha ruột bị cáo Phan Thanh N, có đơn đề nghị nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính số tiền là 1.600.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002490 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty Đ1 đã nhận lại 24 cuộn gòn không yêu cầu bồi thường thêm. Ngày 02 tháng 7 năm 2024, Công ty Đ1 có đơn xin miễn giảm trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Về các vấn đề khác:

Lê Hoài H4 mới đi làm ngày đầu và làm lơ xe cho V, H4 không biết V và N thỏa thuận chiếm đoạt hàng hóa của Công ty Đ1, H4 chỉ làm theo yêu cầu của V không hưởng lợi gì trong việc chiếm đoạt tài sản của V, hành vi của H4 không đủ yếu tố cấu thành tội Tham ô tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Ông Vũ Văn Đ là chủ quán nước mà V gửi 24 cuộn gòn. Ông Đ thấy V mua nước nên đồng ý cho V để hàng ở quán, ông Đ không biết việc V và N chiếm đoạt tài sản của Công ty Đ1. Hành vi của ông Đ không đủ yếu tố cấu thành tội Tham ô tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Ông Nguyễn Minh T1 là người mua 24 cuộn gòn của V. Khi mua hàng ông T1 được V cho biết là hàng thanh lý nên không biết đây là tài sản mà V phạm tội có được, ông T1 cũng đã tự nguyện giao nộp lại 24 cuộn gòn. Hành vi của ông T1 không đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Phan Thanh N, Nguyễn Thanh Anh V đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản".

Bản Cáo trạng số 98/CT–VKSBB ngày 04 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Phan Thanh N, Nguyễn Thanh Anh V về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 353, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt bị cáo Phan Thanh N, Nguyễn Thanh Anh V mỗi bị cáo mức án từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Về biện pháp tư pháp: áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.600.000 đồng do bị cáo Phan Thanh N nộp, là tiền do phạm tội mà có. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.960.000 đồng do bị cáo Nguyễn Thanh Anh V nộp, là tiền do phạm tội mà có.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, sung quỹ: 01 (một) điện thoại di động Iphone XS, màu vàng, số Imel: 356173098228320 (đã qua sử dụng) của Nguyễn Thanh Anh V và 01 (một) điện thoại di động Redmi Note 9, màu xanh, số Imel1: 865289059064728, số Imel2: 8652840599064736 (đã qua sử dụng) của Phan Thanh N, là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Các bị cáo Phan Thanh N, Nguyễn Thanh Anh V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận.

Bị hại Công ty Đ1 quá trình điều tra, truy tố đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường, về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phan Thanh H không yêu cầu bị cáo Phan Thanh N trả lại số tiền thu lợi bất chính đã nộp thay cho bị cáo N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty TNHH K, Công ty T2 vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra, truy tố đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Minh T1 vắng mặt, quá trình điều tra, truy tố không yêu cầu bị cáo V hoàn trả lại số tiền đã giao cho bị cáo V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Hoài H4, và ông Vũ Văn Đ vắng mặt, quá trình điều tra truy tố không có yêu cầu gì trong vụ án.

Bị cáo Phan Thanh N nói lời sau cùng: trong thời gian bị tạm giam, bị cáo rất ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo

được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo được trở về gia đình, làm người công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo Nguyễn Thanh Anh V nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời, phụng dưỡng cha mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Có cơ sở xác định: Vào ngày 11 tháng 5 năm 2024, Phan Thanh N là quản lý kho của Công ty TNHH Đ1, N đã lợi dụng quyền hạn được nhận hàng, ký nhận vào hóa đơn từ nhà cung ứng nguyên liệu và xuất hàng cho công nhân của Công ty TNHH Đ1 tại Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, N đã cùng Nguyễn Thanh Anh V chiếm đoạt tài sản mà N có trách nhiệm quản lý là 24 cuộn gòn có trọng lượng 235.9kg của Công ty TNHH Đ1 trị giá 7.430.850 đồng. Sau khi chiếm đoạt 235.9kg gòn, V đã bán và chia cho N 1.600.000 đồng, V được 2.960.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của các bị cáo Phan Thanh N, Nguyễn Thanh Anh V đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo nhận thức rõ hành vi đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả và mong muốn hậu quả xảy ra.

[4] Tại phiên tòa: các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi tham ô tài sản của Công ty TNHH Đ1.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

[5.1] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã gây thiệt hại về tài sản của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[5.2] Về nhân thân: tại thời điểm phạm tội, các bị cáo không bị kết án, không bị xử lý hành chính, xét về nhân thân của các bị cáo là tốt.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo tự nguyện sửa chữa khắc phục hậu quả nộp lại tiền thu lợi bất chính; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Phan Thanh N có cha là ông Phan Thanh H là người có công cách mạng được tặng Bằng khen; bị cáo Nguyễn Thanh Anh V là lao động chính trong gia đình có địa phương xác nhận. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét, tình hình tội phạm về tham nhũng trong thời gian gần đây diễn biến phức tạp, hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản mà được giao quyền quản lý xảy ra trên địa bàn huyện B có xu hướng gia tăng, do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[7] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo V biết bị cáo N có quyền quản lý và quyết định đối với việc nhận, xuất gòn trong kho nên V chủ động đề xuất với bị cáo N để bị cáo N nhận số lượng hàng hóa là ít hơn so với đơn hàng phải giao, số còn lại V đem bán cùng hưởng lợi, trong đó bị cáo Vũ hưởng lợi nhiều hơn, xét vai trò các bị cáo là như nhau. Hội đồng xét xử xét áp dụng các Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo là tương xứng so với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy, trong vụ án này, các bị cáo tuổi đời còn rất trẻ, nhận thức về pháp luật cũng có phần hạn chế, các bị cáo phạm tội lần đầu, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51; 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Riêng bị cáo N đã bị tạm giam thời gian dài. Xét thấy, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ–HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65

Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ–HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ–HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, cho các bị cáo hưởng án treo là đã đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Công ty Đ1 quá trình điều tra, truy tố đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phan Thanh H không yêu cầu bị cáo Phan Thanh N trả lại số tiền thu lợi bất chính đã nộp thay cho bị cáo N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty TNHH K, Công ty TNHH T2 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Minh T1 không yêu cầu bị cáo V hoàn trả lại số tiền đã giao cho bị cáo V nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về biện pháp tư pháp: Sung quỹ nhà nước số tiền 2.960.000 đồng do Nguyễn Thanh Anh V giao nộp và số tiền là 1.600.000 đồng do Phan Thanh N giao nộp để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[11] Về vật chứng: 01 (một) điện thoại di động Iphone XS, màu vàng, số Imel: 356173098228320 (đã qua sử dụng) của Nguyễn Thanh Anh V và 01 (một) điện thoại di động Redmi Note 9, màu xanh, số Imel1: 865289059064728, số Imel2: 8652840599064736 (đã qua sử dụng) của Phan Thanh N, là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, sung quỹ theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[12] Về các vấn đề khác:

Anh Lê Hoài H4 không biết V và N thỏa thuận chiếm đoạt hàng hóa của Công ty Đ1, không hưởng lợi gì trong việc chiếm đoạt tài sản của V. Hành vi của anh H4 không đủ yếu tố cấu thành tội Tham ô tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

Ông Vũ Văn Đ là chủ quán nước mà V gửi 24 cuộn gòn, ông Đ không biết việc V và N chiếm đoạt tài sản của Công ty Đ1. Hành vi của ông Đ không đủ yếu tố cấu thành tội Tham ô tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

Ông Nguyễn Minh T1 là người mua 24 cuộn gòn của V, ông T1 không biết đây là tài sản mà V phạm tội có được, hành vi của ông T1 không đủ yếu tố

cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

[13] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 353; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 106, 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 6, 23 Mục 1 Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phan Thanh N, Nguyễn Thanh Anh V phạm tội “Tham ô tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phan Thanh N 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao Phan Thanh N cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Anh V 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao Nguyễn Thanh Anh V cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường

hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.960.000 (hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng do Nguyễn Thanh Anh V giao nộp theo giấy nộp tiền ngày 11 tháng 10 năm 2024 cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng và số tiền là 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng do ông Phan Thanh H nộp thay Phan Thanh N theo biên lai thu tiền số 0002490 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

4. Về vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động Iphone XS, màu vàng, số Imel: 356173098228320 (đã qua sử dụng) và 01 (một) điện thoại di động Redmi Note 9, màu xanh, số Imel1: 865289059064728, số Imel2: 8652840599064736 (đã qua sử dụng) theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

5. Về án phí: Các bị cáo Phan Thanh N, Nguyễn Thanh Anh V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- PV27 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- UBND phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- UBND phường An Bình, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ánh Tuyết